

GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Cho đến cuối thế kỷ thứ 19, khi việc học còn đặt căn bản trên nho-học và khoa cử còn đặt tiêu chuẩn ở tài văn chương thi phú, sự học ở Việt-Nam tuy không phải là một đặc ân đối với một giới nào trong xã hội, nhưng nó không có tính cách phổ thông vì những điểm sau đây:

- chuyên ngữ là chữ Hán: học triết, học sử, tập viết văn, đọc sách, ... thầy đều phải dùng chữ Hán. Chữ Hán không phải là chữ mà dân chúng thường dùng. Chỉ có một số người có điều kiện, có khả năng, có hoàn cảnh như dòng dõi trong hoàng tộc, con cái nhà quan, con nhà giàu có, một số rất ít người cảnh nhà thanh bạch nhưng thông minh vượt bậc tự học lấy, mới có thể học được.
- không có tính cách bắt buộc: ai thích theo đuổi việc học thì tự ý người đó, học đến trình độ nào cũng tự ý mỗi người (hay cha anh) quyết định; vì thế không phải ai ai cũng đi học.
- không có đủ các môn học có tính cách thông dụng, vì không phải ai ai cũng dùng đến chữ Hán và tài làm văn thơ trong sự sinh hoạt thường ngày.
- người Việt chuyên chú vào các sách triết, sử, thơ, văn Trung-Hoa, nói chung là các môn thuộc về văn-hóa Trung-Hoa mà không học sử địa, văn học Việt-Nam, do đó các môn học không trực tiếp có ảnh hưởng đến đời sống người Việt.

Các thể hệ trí thức cuối thế kỷ thứ 19, các sĩ-phu duy-tân, giới thức-giả đầu thế kỷ thứ 20 đã chứng kiến sự thất bại của cựu-học trước sự thắng thế của khoa học kỹ thuật Tây phương. Việt-Nam, từng thoát khỏi sự đô hộ của Trung-Hoa để độc lập trong cả nghìn năm, nay lại bị cai trị bởi người Pháp. Hơn bao giờ hết, việc giáo dục dân chúng cần phải trải qua một sự thay đổi lớn, một cuộc cách mạng, để đáp ứng với nhu cầu tiến hóa của dân tộc.

Giới sĩ-phu duy-tân đã phải tìm cách giải quyết để cứu đất nước. Họ đã tìm được câu giải đáp là: *Học để mở mang dân trí*. Họ đã khởi xướng một nền tân-học với những tôn chỉ sau:

- duy-tân đất nước chính là mục đích giáo-dục
- duy-tân đất nước là trách nhiệm của kẻ sĩ
- giáo-dục là nền tảng của chính trị và kinh tế. Về chính trị, dân trí có tăng, dân mới hiểu dân-quyền, hiểu được dân-quyền mới có tư cách làm công dân một nước độc lập. Về kinh tế, có học kỹ-thuật, công, nông, thương-nghiệp mới biết khai thác tài nguyên thiên nhiên trong nước để sinh lợi, mới biết làm ăn buôn bán mà nuôi lẫn nhau. Kinh tế phồn thịnh, dân sinh được cải tiến, phẩm chất đời sống dân chúng sẽ tăng lên, không sợ bị diệt chủng.
- điều hòa khoa học với đạo học.

Sau các sĩ-phu duy-tân, Phạm Quỳnh, một nhà trí thức đại biểu cho giới tân-học đầu thế kỷ thứ 20, đã đề cập đến các mục đích của việc giáo dục phổ thông: dạy luân lý và đào luyện lòng ái quốc.

“Nay phép giáo-dục phổ-thông đó phải lấy gì làm mục-dịch? Phải lấy đạo-đức, lấy quốc-gia làm mục-dịch. Phải dạy-dỗ người Việt-Nam thế nào cho thành kẻ công-dân có tư-cách, biết quyền-lợi, biết nghĩa-vụ của mình, biết kính-trọng pháp-luật và giữ-gìn trật-tự, biết yêu-mến quê-hương tổ-quốc mình hơn hết thầy, và dốc lòng gắng sức giúp cho nước được cường-thịnh. Phép giáo-dục này phải lấy lòng ái-quốc ái-chúng làm căn-bản, phải căn-cứ ở những kỷ-cương phép-tắc cũ, đời ấy sang đời khác đã làm cho gia-đình xã-hội nước Nam được vững-vàng bền-chặt. Lại trong những tư-tưởng mới của Thái-Tây, phải lựa chọn mà truyền-bá ra những cái tư-tưởng nào có thể giúp cho cá-nhân được phát-đạt, gây cho có cái tư-cách biết tự-trọng, biết ham mê việc công-ích, có cái chí biết mưu-cầu cho xã-hội được hưởng sự công-bằng, sự bình-đẳng hơn, nói tóm lại là những cái tư-tưởng có thể bổ-trợ cho các đức-tính cố-hữu của dân-tộc ta.

“Còn như chính sự học thì chỉ cốt dạy cho đại-đa-số quốc-dân biết những điều thường-thức cần-dùng cho sự sinh-hoạt ở đời. Không nên làm cho kẻ thiếu-niên cách-biệt với hoàn-cảnh mình, mà phải dạy cho biết yêu mến cái nơi mình sinh-trưởng. Như thế thì không nên câu-nệ chương-trình quá, mà dạy những điều sau này không cần đến; chỉ nên dạy những điều trực-tiếp ích-lợi ngay cho cái cảnh-ngộ hay cái thân-phận hiện-tại bây giờ, và cốt nhất là dạy cho có tư-cách làm người lương-thiện, làm dân sáng-suốt, có thể giúp cho nhà cho nước sau này.

“Phép giáo-dục sơ-lược đó, cốt là trọng về luân-lý, về quốc-gia. Dần dần phải đặt lệ cưỡng-bách, khiến cho có ngày hết thầy người Việt-Nam đều biết đọc biết viết bằng tiếng nước mình cả. Hễ thiên-hạ đã hiểu rõ cái mục-đích sự phổ-thông giáo-dục là thế nào rồi, đã biết rằng sự học ban-bổ khắp trong dân-chúng là để dạy cho khắp mọi người đều có một cái gốc chung, hết thầy bình-đẳng cả, chứ không phải là ai biết chữ cũng có cái quyền được làm công nọ việc kia đâu, hễ thiên-hạ đã hiểu biết như thế, thì thi-hành cái luật cưỡng-bách cũng không ngại gì, và nhân cái tính hiếu-học tự-nhiên của người Việt-Nam, dù học không để làm gì nữa, cũng sẽ vui lòng theo vậy”.

(*Vấn-đề lập-hiến cho nước Nam*, Nam Phong Juin 1930)

Đi tìm mục đích cho nền giáo dục phổ thông

1. Học để mưu sinh

Từ năm 1866, Nguyễn Trường Tộ đi Pháp về đã dâng vua các bản điều trần đề nghị sự học thực nghiệp: đặt trường dạy về nông-học, soạn sách vở về nghề nông (nông-thư), chú tâm đến khoa học thực hành, phát triển kinh tế để làm cho dân giàu. Đầu thế kỷ thứ 20, sự học thực nghiệp được các sĩ-phu duy-tân chú trọng: mở các hội nông thương, buôn bán, lập công ty, lập đồn điền, khai mỏ, v.v...

Từ một xã hội trọng văn chương và lễ nghĩa, người Việt đã bước sang một xã hội chuộng khoa học và thực nghiệp. Nhà nho Dương Bá Trạc đã gửi bài điều trần đến Thượng-thư Thuộc-địa Pháp chỉ trích chính sách giáo dục của chính phủ Pháp ở Việt-Nam là không phổ-thông-hóa việc dạy nghề để cho người dân trong nước có nghề mà sinh sống.

Chính vì không có nghề nghiệp cho nên khi đời nhà trường ra, không có công ăn việc làm, họ dễ trở nên những kẻ uất ức, làm loạn xã hội. Dương Bá Trạc đề nghị chính phủ Pháp mở trường dạy nghề mà ông tin là sẽ giúp cho việc ổn định xã hội. Ông đề nghị mỗi tỉnh mở một trường dạy nghề, tùy theo tỉnh nào có nguyên liệu gì thì mở trường dạy về nghề ấy. “...như Hưng-hóa, Phú-thọ sản sơn thì lập xưởng làm đồ sơn, Nghệ-an, Hà-tĩnh sản mây sản gỗ thì lập xưởng làm đồ gỗ đồ mây, vân-vân, cốt phải chọn những nghề thực-dụng trong xứ này cho dân đỡ mua dùng ngoại-hóa...”

Nguyễn Trọng Thuật cho rằng sự trị-sinh là một trong “ba cái báu của kẻ sĩ”: kẻ sĩ mà không biết trị-sinh thì vợ con nheo nhóc, không thể đem tâm trí mà hy sinh cho sự học, cho việc nghĩa, gặp việc bất bình phải nhịn nhục. Cũng theo ông, kẻ sĩ chỉ cần lo cho gia đình đủ sống chứ không nên lo đạt đến mức sống xa hoa vì nếu chỉ chăm chăm làm giàu thì sẽ không còn thì giờ và tâm trí để nghĩ đến những việc công ích.

Theo ý kiến của Phạm Quỳnh, kẻ sĩ ngày nay muốn thực hiện những việc theo chí mình thì phải biết tự kinh dinh những sự sinh hoạt của mình. Ông viết: “Chắc bao giờ cũng phải kiếm tiền, vì tiền là cái yếu-tố ở đời -*tiền-tài là huyết-mạch*, phương-ngôn đã có câu nói thế, mà có lẽ càng ham cái giá-trị lớn, càng mưu những sự-nghiệp to, lại càng cần phải có tiền lắm, nhưng sự kiếm tiền bấy giờ không phải là cái mục-đích ở đời nữa, mà chỉ là một cái “phương-tiện” để cho đạt tới, để mà thực-hành những mục-đích cao-xa hơn.” (*Cái thế-lực của đồng-tiền*, Nam Phong Mai 1919)

Việc học nghề phải nên kèm theo với việc học làm người để hiểu rằng học nghề không phải chỉ để kiếm tiền lo cho thân mình và gia đình mình mà thôi, nhưng còn là để có phương tiện làm tròn nghĩa vụ của mình đối với xã hội. Có nghề mới làm ra tiền, có học làm người mới biết nghĩa-vụ đối với xã hội, có biết nghĩa-vụ đối với xã hội thì mới biết dùng đồng tiền làm ra một cách hữu ích.

“Các ông không cần phải là tay triết-học mới hiểu rằng tiền-của là cái của chung của đời, nhất-thời đong vào tay ai là người ấy phải mang một cái nợ với người đời, của càng nhiều nợ càng nặng, chớ không những là được một cái thể-lực hơn người mà thôi đâu. Các ông lại càng cần phải có một cái mục-dịch cao hơn người thường, mà đem dùng cái thể-lực rất mạnh của đồng-tiền để làm nên những sự-nghiệp to-lớn, ích-lợi cho xã-hội nhân-quần”.

Những ý tưởng này thật khác hẳn với sự suy nghĩ ngày xưa, khi mà kẻ sĩ chỉ lo học, “sôi kinh nấu sữ”, còn việc tề gia buôn bán là do người vợ đảm đang bao biện hết.

2. Học đạo làm người

Nền giáo-dục nho-học khởi xướng từ đời Trần đến đầu thế kỷ thứ 20 chú trọng đến việc trau dồi luân lý để thỏa đáp hai mục đích:

1/ mục đích nhân sinh: những người theo nho-học thường biết cách cư xử với người chung quanh, có những đức tính nhân hậu, khoan dung, ngay thẳng, công bằng, không thiên vị, không tham, không hiếu sắc; có lòng trung với vua, biết can gián vua, giữ tiết tháo liêm sỉ, tự mang trách nhiệm giúp nước khi đất nước gặp cơn biến loạn.

2/ mục đích chính trị: những người đỗ đạt trong nền khoa-cử nho-học thường đảm nhận trách nhiệm của những người cầm quyền kinh bang tế thế, những nhà chính trị mưu định kế sách quốc gia, những nhà ngoại giao khéo léo “đi sứ bốn phương không nhục mệnh vua”, những người làm quan thực thi quyền hành chánh và tư pháp tại các nơi từ tỉnh lớn đến huyện nhỏ, những nhà mô phạm nêu gương tiết tháo cho dân chúng, những nhà sử học nghiêm túc, những nhà văn học tài hoa. Nhờ có tư cách đạo đức, họ được dân chúng kính trọng và tin rằng những quyết định của họ không phải vì lợi riêng mà là vì ích chung cho xã hội.

Đầu thế kỷ thứ 20, nền giáo-dục nho-học đã thoái trào nhưng sự quan trọng của luân lý hay là việc học *đạo làm người* vẫn cần thiết vì cần phải nhờ vào luân lý để giúp đất nước phú cường, ổn định xã hội và hướng dẫn cá nhân.

1/ yếu tố để xây dựng một nước Việt-Nam phú cường

* Phan Bội Châu khi viết bài *Tân Việt-Nam* (1907) đã trình bày sáu điều mong lớn (*lục-đại-nguyện*) của ông với quốc dân. Trong sáu điều ấy thì bốn điều thuộc về luân lý xã hội, còn hai điều thuộc về luân lý cá nhân.

- về phương diện luân lý xã hội, ông mong mỗi ở quốc dân: “tinh thần thương mến tin yêu nhau”, “sự nghiệp thực hành yêu nước”, “sự nghiệp thực hành công đức”, “hy vọng về danh dự lợi ích”.

- về phương diện luân lý cá nhân, ông đề nghị mỗi người dân đều nên có “ý chí tiến thủ mạo hiểm” và “tư tưởng tiến bước lên nền văn minh”.

Ông nhấn mạnh rằng luân lý là “cách thức để gây dựng nước Việt-Nam mới”.

* Phạm Quỳnh công nhận rằng đạo đức và văn minh có liên hệ với nhau. Theo quan điểm của ông, “nhân cách có lên cao thì xã-hội mới thật có tiến-hóa, nhân-cách mà sụt thấp thì dẫu có văn-minh cũng là văn-minh giả, cái văn-minh ấy tất không bền vì không có cốt”. (*Đạo-đức-luận*, Nam Phong Mars 1919)

Ông cùng ý kiến với Phan Bội Châu khi nói rằng: “Một nước mà thịnh hay suy là do người ta hay hay dở; vậy thời muốn cho nước được phú-cường thịnh-trị phải làm cho cái lương-tâm chung trong xã-hội ngày càng tăng tiến thêm lên”. (*Khảo về các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây*, Nam Phong Mai 1921)

Lương tâm chung trong xã hội chỉ được bảo tồn khi mà luân lý phổ thông đã thấm nhuần sâu rộng trong xã hội. Nên luân lý phổ thông này là “cái luân lý mà người ta từ khi lọt lòng mẹ ra đã nhiễm lấy rồi, cái luân-lý mà những kẻ vô-học thường theo mà không biết ấy, phần nhiều cũng là gốc ở sự suy nghĩ, sự học-vấn mà ra”.

* Phan Chu Trinh, sau khi bốn ba ở đất Pháp hơn mười ba năm, khi được phép về lại Việt-Nam vào năm 1925, diễn thuyết tại Sài-Gòn ngày 19 tháng Mười Một năm 1925, ông đã lấy chủ đề là “Đạo đức và Luân lý Đông Tây” và ông đã giải thích lý do sự lựa chọn của ông như sau:

“Tôi chọn lấy vấn đề này, là vì tôi tưởng rằng từ xưa đến nay bất cứ dân tộc nào, bất luận quốc gia nào, dầu vàng, dầu trắng, dầu yếu, dầu mạnh, đã đứng cạnh tranh hơn thua với các dân tộc trên thế giới thì chẳng những thuận nhờ cái sức mạnh mà thôi, mà phải nhờ có đạo đức làm gốc nữa; nhất là dân tộc nào đã bị té nhào xuống, nay muốn đứng lên khỏi bị người đè lên trên thì lại cần phải có một cái nền đạo đức vững chắc hơn dân tộc đang giàu mạnh hơn mình”.

Ông lấy người Nhật ra làm gương cho chúng ta noi theo. Ông cho rằng không phải “họ chỉ đóng tàu đúc súng mà được giàu mạnh”, chính nhờ họ đã biết “trau giồi đạo đức, sửa đổi luân lý mới được như ngày nay”.

* Đông-Hồ, chủ trương học xá Khai-trí Tiến-đức ở Hà-Tiên, đã phân biệt *khai-trí* với *tiến-đức* và đưa ra nhận xét rằng người có *trí-thức* mà có *đạo-đức* mới xứng đáng làm người và có ích cho xã hội. Ông thêm rằng: “Người có trí-thức mà không có đạo-đức là một người đã chẳng những là người vô-dụng cho đời mà lại là một người có hại cho đời nữa. Vì những cái trí-thức của họ đem mưu những việc ác, họ càng trí-thức bao nhiêu, họ lại càng tổn-hại thiên-hạ bấy nhiêu”. (*Gia-đình giáo-dục ký*, Nam Phong Octobre 1926)

Các thức giả của thời kỳ này đã cùng đồng ý rằng muốn nước Việt-Nam được phú cường, người Việt-Nam hữu ích cho xã hội, không phải chỉ nhờ kỹ thuật và thực nghiệp không thôi, mà còn cần phải nhờ đến luân lý đạo đức nữa. Luân lý đạo đức có được là nhờ học vấn, tức giáo dục, mà ra vậy.

2/ luân lý giúp cho sự ổn định xã hội

Chính sách giáo dục của chính phủ thuộc địa từng bị chỉ trích rất nhiều mà một trong những khuyết điểm của chính sách này là đã bỏ phần luân lý trong việc giáo dục. Nền giáo-dục nho-học Việt-Nam trải qua bảy thế kỷ từ nhà Trần đến nhà Nguyễn luôn luôn chú trọng vào triết-lý nhân-sinh. Khi người Pháp đến, họ bãi bỏ giáo-dục nho-học, không phải chỉ là bỏ việc học chữ nho – hay chữ Hán – mà đã bỏ đi phần luân-lý nho-học là căn bản của nền giáo-dục nho-học. Những tư tưởng mới của Tây-phương như “tự do”, “bình đẳng”, “dân quyền”, ... thu thập một cách vội vàng đã gây nên những sự hỗn loạn trong xã hội.

Nhân dịp Tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa Pháp Reynaud đến kinh lý tại Đông-Dương cuối năm 1931, Dương Bá Trạc, một trong những sĩ-phu duy-tân dạy tại Đông-kinh Nghĩ-a-thục, đã gửi “*Lời điều-trần cùng quan Thuộc-địa Thượng-thư*” trong đó có đoạn như sau:

“... nói tự-do lại tưởng đâu rằng phiến cứ tự-do hút, gái cứ tự-do chơi, nói bình-đẳng lại tưởng rằng con bình-đẳng với cha, thầy bình-đẳng với tớ, nói dân-quyền lại tưởng đâu rằng sưu-thuế dân có quyền

không đóng, luật-lệnh dân có quyền không theo, nói tự-tôn tự-trọng lại tưởng đâu rằng tự-tôn với cả trường-thượng vua quan, tự-trọng cả đến nét hư tật xấu! Cái học chữ Pháp “giả cày” của họ chưa đủ hiểu được tự-do thật là phải tự-do trong vòng hạn-chế, tự-trọng tự-tôn thật là phải tự-tôn tự-trọng cái phẩm-cách, cái tài-nghệ cho có lấy hơn người, bình-đẳng thật là không ai nên lán-láp đến tính-mệnh tài-sản, danh-dự quyền-lợi của ai, dân-quyền thật là khắp trong một xã-hội ai cũng là dân, ai cũng lo hết nghĩa-vụ làm dân mà theo luật-lệnh của xã-hội mình đã cùng định ra, giữ luân-lý của xã-hội mình đã cùng chuẩn-nhận.” (Nam Phong, Novembre-Décembre 1931)

Để giúp cho việc gây dựng tư cách đạo đức, Phạm Quỳnh công nhận triết học là một môn học có thể giúp cho mục đích ấy. Ông viết như sau:

“Ta nói đến tên triết-học tất nghĩ đến người có đức-tính hơn người. Nhà triết-học xưa nay vẫn là đồng-nghĩa với nhà quân-tử. Người ta thành-tâm mà theo đuổi cái chân-lý thì dù chẳng tới được, cũng là hay thêm người ra. Xưa nay trong lịch-sử thiếu gì kẻ gian-hùng tranh quyền cướp nước, thiếu gì những người nham-hiêm giáo-quyết, hại người mà mưu sự lợi-lộc cho mình. Nhưng thử hỏi đã từng trông thấy bao giờ một người phẩm-hạnh sáng – dù thông-minh sáng-suốt đến đâu nữa mặc lòng – mà nổi danh nhà triết-học không? Quyết rằng không.

“Nếu triết-học vun giòng được mầm đạo-đức, bổ-ích cho việc thế-giáo như thế, thì triết-học cũng nên học mà sách triết-học cũng nên xem vậy”. (*Triết-học bình-luận*, Nam Phong Aout 1917)

Ở phương Đông, các triết gia như

- Lão-tử đã từng chủ trương không tranh giành (*bất tranh*) và giảm óc tư hữu, ít lòng ham muốn (*thiểu tư quả dục*);
- Phật Thích-Ca truyền bá lòng từ bi bác ái, lấy luật nhân quả cảnh tỉnh chúng sinh làm lành lánh ác để tạo thiện nghiệp;
- Khổng-tử khuyên người ta nên tập luyện đức nhân để biết thương người, nghĩ đến người như nghĩ đến mình (*kỷ sở bất dục vật thi u nhân*), trọng sự thuận hòa (*hòa nhi bất đồng*), không tranh chấp, không chia phe phái (*quân tử vô sở tranh*).

Ở phương Tây thì có

- Socrates (thế kỷ thứ V trước Tây-lịch) đã cho rằng hạnh phúc của con người tùy thuộc vào sự hiểu biết về đạo đức: nhờ biết phân biệt thiện ác mà con người ý thức được hậu quả của những hành động do mình gây ra.
- Aristotle (384-22 trước Tây-lịch) đã thuyết rằng người hạnh phúc là người lấy sự làm lành là vui thú.
- Học thuyết của các triết gia ấy đã làm giảm những sự tương tranh trong xã hội, khiến con người bớt thù oán nhau, biết thương yêu, nhường nhịn nhau hơn.

Vì thế, Nguyễn Trọng Thuật, một nhà văn và nhà biên khảo đầu thế kỷ thứ 20, đã cho rằng “sự giáo-dục về tinh-thần không những cần riêng cho một người để tự-tu mà lại cần cho các quốc-gia để hóa-dân nữa”. Ông đề nghị nên bớt giờ của môn Pháp-văn để thêm vào các môn: triết-học, đạo-đức-học và văn-học của các đảng hiện-triết Đông Tây” mà ông cho là rất quan trọng trong sự ổn định tâm tính dân chúng.

Nguyễn Trọng Thuật còn cho rằng những môn học này cần phải được dạy trong chương trình phổ thông, như thế mới truyền bá đến được khắp mọi người trong nước.

3/ cần phải học luân-lý để tự hướng đạo và tự chủ được mọi hành động

Xưa kia giáo dục, dù trong gia đình hay ở học đường, đều là để truyền dạy lại những cách xử thế của người đời trước để cho mỗi người đều biết nghĩa vụ và đặt phương châm mục đích cho cuộc đời mình.

Khi giáo-dục nho-học bị bãi bỏ, người đi học chăm học chữ, được hướng dẫn về kiến thức kỹ thuật mà không được chăm lo về đường đạo đức. Nhờ có lương tâm, người ta cũng có thể hướng dẫn mình

trong cách xử thế ở đời. Tuy nhiên việc đòi biến thiên, hoàn cảnh phức tạp, ở vào nghịch cảnh mà không biết xử làm sao thì có học luân-lý-học mới biết cách xử trí chính đáng được.

Học giả Phạm Quỳnh đã bàn đến vấn đề này như sau:

“Vẫn biết rằng luân-lý-học không thể làm cho người không có bụng tốt thành ra có được, nhưng mà người đã sẵn có bụng tốt tự-nhiên mà lại biết suy-nghĩ nữa, biết hiểu cái lý-do sự hành-vi của mình, biết cái lẽ sở-dĩ làm sao mà việc này tốt, việc kia xấu, việc này nên, việc kia không nên, thời chẳng hơn là người có bụng tốt mà mang-nhiên không biết gì rư? Phàm sự học-vấn bao giờ cũng là hay, huống lại học về cách ăn-ở trên đời thời lại càng hay biết bao nhiêu, vì người ta ở đời còn gì quan-trọng cần phải biết hơn là cái bổn-phận làm người?”

“Vả lại theo lời nói của ông Guizot: “Cái ánh sáng tự-nhiên nó vẫn hay mập-mờ”, nghĩa là không học mà biết thời sự biết ấy không lấy gì làm chắc-chắn cho lắm. Ở đời, lúc bình-thường mà làm được trọn đạo cũng khó thay, huống gặp những khi nguy-biến, trong lòng bối-rối, công việc mệnh-mang, nếu không có một cái phép-tắc nào để nương-tựa, để noi theo, mà chỉ bằng ở cái lòng đạo-đức tự-nhiên mà thôi, thời cũng khó lòng mà ăn-ở cho nhất-thiết chánh-đáng được. Đã hay rằng người ta ai cũng có cái quan-niệm tự-nhiên về sự nghĩa-vụ: song chẳng qua là biết mang-máng rằng ở đời có việc nên làm, có việc không nên làm; còn việc gì là việc nên làm, việc gì là việc không nên làm, vì lẽ gì mà nên làm, bởi có gì mà không nên làm, hay là gặp cảnh-ngộ nào là nên làm, vào trường-hợp nào là phải tránh, thời phi người đã có học-thức, đã từng suy-nghĩ, cũng khó mà biết được. Cho nên ông Guizot lại có câu nói rằng: “ở vào thời buổi rối-loạn, nhiều khi làm việc nghĩa-vụ không khó bằng biết nghĩa-vụ ở đâu mà làm”. Vậy thời việc nghĩa-vụ có thể học được, đã có thể học được thời tất có thể dạy được”.

(Khảo về các luân-lý-học-thuyết của Thái-Tây, Nam Phong May 1921)

Nhà giáo Đông-Hồ chủ trương rằng đạo đức có thể được dạy cho nên cần phải khai trí trước bằng cách học những sách viết về luân lý đạo đức rồi nhờ hiểu biết được những điều ấy mà sẽ đào luyện tư cách đạo đức.

“Không có trí-thức mà có đạo-đức, phần ấy là phần ít; chớ có trí-thức rồi mới sinh lòng đạo-đức, phần ấy là phần nhiều; bởi cái nguồn đạo-đức là những cái phải cái quấy, cái hay cái dở ở đời, là tự các bậc tiên-tri tiên-giác nhiều đời bàn nói làm sách chép truyện để dạy người đời, thì nếu không có trí-thức để học hỏi những truyện sách, không có trí-thức để lĩnh-hội những cái phải cái hay mà học, cái quấy cái dở mà răn, thì làm sao mà sinh lòng đạo-đức được. Bởi lẽ ấy mà chữ “khai-trí” sắp trên chữ “tiến-đức”, là ta nên học tập cho trí-thức ta ngày một khai-thông, rồi ta sẽ mới tu-tĩnh cho đạo-đức ta ngày một tăng-tiến được”. *(Gia-đình giáo-dục ký, Nam Phong Octobre 1926)*

Các khám phá khoa học vẫn có ảnh hưởng rất rộng rãi trên mọi phương diện của cuộc sống. Nhưng ngày nào con người còn sống quây quần thành đoàn thể, gia đình, xã hội thì việc học đạo làm người cũng quan trọng như việc học các môn khoa học kỹ thuật.

Trong phạm vi cá nhân, người nào thường hay suy nghĩ, hiểu được những điều cao thượng, tự vẫn được lương tâm, có thể bắt mạch được tâm hồn của mình mà biết là tà hay chính, tất không xu thời theo thế vì biết đường hướng dẫn mình trong những cơn đông tổ của cuộc đời.

Trong tương quan xã hội, người ta càng thấu hiểu nghĩa lý của sự việc thì lại càng có lòng muốn thay đổi xã hội cho công bằng hơn, lại cố làm tròn bổn phận của mình và biết tôn trọng quyền lợi của kẻ khác.

3. Đào luyện quốc-hồn

Trong lịch sử thế giới, đã từng có sự kết hợp rồi phân chia cũng như thành lập rồi tan rã của nhiều quốc gia. Vì thế ở vào bất cứ thời điểm nào các quốc gia đang hiện diện cũng có thể bị tan rã hoặc nhiều quốc gia mới có thể được thành lập.

Để cho một nước còn được là một nước phải nhờ vào ý nguyện của người dân có cùng một ý muốn sinh hoạt và hỗ trợ lẫn nhau, bị ràng buộc với nhau bởi một ý thức vô hình nhưng rất mãnh liệt là quốc-hồn. Mỗi đất nước theo dòng thời gian đều có những biến thiên thăng trầm, lúc thái bình yên vui, khi chiến tranh điêu linh. Những lúc thời cuộc rối ren, đất nước gặp cảnh khó khăn vì nội chiến hay ngoại xâm, người dân thường mang mối hoài nghi về tương lai của đất nước. Từ sự hoài nghi ấy mà lòng người phân li, nghi ngờ, chán nản rồi có khi lãnh đạm cả đối với vận mệnh đất nước.

Để giúp cho quốc-hồn được mạnh mẽ, cần có một chương trình học đồng nhất. Như thế dân chúng sẽ có một gốc giáo dục chung để ai nấy có thể cùng hiểu những vấn đề trọng đại của đất nước, phân biệt được thế nào là lợi hay hại chung cho dân tộc, để cho những người ở miền này có thể thông cảm được người ở miền kia chứ không coi nhau như người khác xứ, để cho những người dù khác niềm tin về tôn giáo hay tư tưởng cũng vẫn cùng một niềm tin vào sự trường tồn của tổ quốc.

Nhà văn Phạm Quỳnh, với bút hiệu Thượng-Chi, đã có nhận định về quốc-hồn mà ông còn gọi là “cái tinh-thần lập-quốc” như sau:

“Như vậy thời cái tinh-thần lập-quốc, cái quốc-hồn, là một mối thiêng-liêng mà cũng là một mối sinh-hoạt. Khéo gây-dựng thời nảy-nở phát-đạt, vụng chăm nuôi thời héo-hắt tòi-tàn. Cái công chăm nuôi gây-dựng ấy là cái công chung của cả quốc-dân. Hễ bao nhiêu người trong nước đều chung một cái ý-nguyện cùng nhau kết-hợp thành đoàn-thể, sinh-hoạt được thành-thời, thời cái tinh-thần ấy tất bành-bạc trong xã-hội mà đầm thắm cả mọi người. Nếu mỗi người chỉ biết riêng một thân mình, không thoát ra khỏi cái phạm-vi cá-nhân mà noi lên tới cái quan-niệm về quốc-gia, về xã-hội, cùng nhau ăn ở một đất nước chung, cùng nhau thờ phụng những tổ-tiên chung, mà không biết rằng đối với nhau có cái giây liên-lạc vô-hình, có cái mối quan-hệ mật-thiết, lại kỳ-thị lẫn nhau, coi nhau như kẻ Việt người Tàn, gây ra cái tình-trạng rời-rạc, cái không-khí lạnh-lùng, thời cái tinh-thần ấy càng ngày càng bạc-nhược đi, rồi đến tiêu-tán đi hết. Đã đến thế thời nước còn mà là mất, dân có cũng như không, vì chẳng qua là một mớ người ô-hợp, phất-phơ lơ-láo, phảng-phất mơ-màng, chỉ thoáng qua một cơn sóng-gió ở ngoài, là rụng-rời tan-tác như bèo giạt mây trôi vậy. Ấy cổ-lai các dân-tộc lia-tan, các quốc-gia lụn-bại, cũng chỉ bởi cái ý-nguyện người dân, cái tinh-thần lập-quốc đó suy-sút bạc-nhược đi mà thôi”.

(*Bàn về cái tinh-thần lập-quốc*, Nam Phong Mars 1926)

4. Học vì sự học

Ngày xưa người đi học ở cửa Khổng thường theo quan điểm của Khổng-tử mà tâm niệm rằng: “Có ai dùng thì mình đem đạo ra thi hành” (*Dụng chi tắc hành*, Luận ngữ). Ai cũng cho rằng mục đích của sự *tu thân* sửa mình là để đạt đến việc bình thiên hạ, làm sáng tỏ *minh đức* ra khắp nơi. Nếu muốn đạt đến bậc thánh nhân thì lại càng phải học để biết phân định phải trái thế nào để có thể hành động cho đúng.

Nhà tân-học Phạm Quỳnh cho rằng tôn chỉ *học để hành* của đạo Nho có tính “vụ thực quá”, “học để mà làm, chớ không học để mà biết”, không làm cho học vấn của người Việt tiến bộ lên được và là “một cái khuyết-điểm trong văn-hóa cũ của nước ta vậy”.

Đến thời thuộc Pháp, mục đích sự học lại bị thay đổi, không còn là cái học để *trị gia, tế quốc, bình thiên hạ* của nho-học nữa. Sự thành công của người đi học là được nhiều điểm, thi đỗ cao, tìm được việc làm, rồi mai một trí thức của mình vào việc sinh kế. Tuy cái học để mưu sinh không phải là không quan trọng, nhưng sự học không phải có mỗi một mục đích ấy mà thôi. Giáo dục không phải chỉ để đào tạo những người có bằng cấp mà còn cần đào tạo những con người có học thức, có văn hóa.

Nhà giáo Đông-Hồ đã có ý kiến như sau:

“Anh em nên biết rằng: kẻ học-giả học là vì một cái mục-đích cao-xa rộng-rãi hơn nhiều, là đem cái trí-thức của mình mà thu-quát cả vũ-trụ cổ-kim, đem cái học-thức của mình mà lĩnh-hội những cái huyền-bí ẩn-vi của tạo-hóa, đem cái lịch-duyet của mình mà xem xét thể-thái nhân-tình, rồi làm sách chép truyện truyền dạy lại người ít trí-thức hơn mình, truyền dạy lại người đời sau”. (Nam Phong Octobre 1926)

*

Mục đích của nền giáo-dục phổ-thông có thể tóm lược như sau:

- 1/ học để mưu sinh: người dân cần có vốn kiến thức căn bản cần dùng cho sự sinh hoạt ở đời
- 2/ học đạo làm người: người dân cần được đào luyện tư cách đạo đức để xứng đáng làm người đời nay
- 3/ đào luyện quốc-hồn: người dân cần học hỏi để hiểu tinh-thần lập-quốc và bảo tồn quốc gia
- 4/ học vì sự học: nhân tài cần được nuôi dưỡng trong việc đóng góp tri thức và kiến thức vào sự tiến bộ của dân tộc và nhân loại.

Vì cần giữ tính cách phổ biến rộng rãi, giáo-dục phổ-thông phải là công trình của chính phủ để luyện tinh thần và luyện tâm tính cho cả dân tộc. Nước càng mở mang, người dân càng được hưởng đầy đủ phương tiện giáo dục, nhờ đó giáo-dục phổ-thông sẽ lan rộng và trình độ phổ-thông sẽ càng cao.

Sự tiến hóa của xã hội tùy thuộc vào sáng kiến của một thiểu số cá nhân nhưng sự phổ-thông-hóa các sáng kiến sẽ quyết định trình độ tiến hóa của xã hội. Chỉ có sự thường xuyên cải thiện và tăng tiến trình độ phổ-thông mới giữ cho nước được vững mạnh dài lâu và được tôn trọng trên trường quốc tế.